

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **276**/CBTT-NQB
V/v Công bố thông tin định kỳ Báo cáo
Tài chính đã được soát xét bán niên 2025

Quảng Trị, ngày **4** tháng 8 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông NQB

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Cấp nước Quảng Bình
- Mã chứng khoán: NQB
- Trụ sở chính: 81- Lý Thường Kiệt, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị
- Điện thoại: 0232.3822354;
- Email: capnuocqb@gmail.com
- Website: capnuocquangbinh.vn
- Người công bố thông tin: ông Lê Anh Dũng- Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật doanh nghiệp.

2. Nội dung công bố thông tin:

Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình bao gồm: Bản thuyết minh báo cáo tài chính; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình vào ngày 04/8/2025, tại đường dẫn: **capnuocquangbinh.vn**

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TK HĐQT.



Lê Anh Dũng



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 06 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2025



Thành viên hăng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 27

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình (gọi tắt là “Công ty”) đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Anh Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên thường trực (Miễn nhiệm ngày 28/04/2025)
Ông Lê Minh Chương	Thành viên
Ông Mai Song Hào	Thành viên
Ông Trần Tấn Đức	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2025)
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2025)
Ông Nguyễn Ngọc Hồ	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2025)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc
Ông Lê Văn Nghĩa	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Tiến	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Đức Vũ	Trưởng ban
Ông Trần Văn Ban	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2025)
Ông Trịnh Đình Tùng	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/04/2025)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Anh Dũng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Lê Anh Dũng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 01 tháng 08 năm 2025

Số: 080101/2025/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 08 năm 2025, từ trang 5 đến trang 27 bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thị Thanh Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2023-072-1
Ngày 01 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025


Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.342.764.242	42.261.646.335
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.183.372.040	22.277.273.484
1. Tiền	111		16.183.372.040	22.277.273.484
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.033.922.644	7.438.808.218
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	9.601.019.642	7.059.541.172
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.065.008.880	512.733.767
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		506.554.349	7.550.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(146.418.847)	(163.395.874)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		7.758.620	22.379.153
III. Hàng tồn kho	140	V.5	15.953.815.942	12.198.880.977
1. Hàng tồn kho	141		17.093.371.976	13.425.612.653
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.139.556.034)	(1.226.731.676)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		171.653.616	346.683.656
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	171.653.616	222.819.957
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	73.735.419
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11a	-	50.128.280
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		206.457.282.975	212.476.450.251
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.000.000	37.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		37.000.000	37.000.000
II. Tài sản cố định	220		192.027.188.928	193.403.313.774
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	191.885.046.380	193.229.954.854
- Nguyên giá	222		506.891.724.817	497.423.507.834
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(315.006.678.437)	(304.193.552.980)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	142.142.548	173.358.920
- Nguyên giá	228		719.000.000	719.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(576.857.452)	(545.641.080)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.688.350.941	14.458.954.489
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	10.688.350.941	14.458.954.489
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.704.743.106	4.577.181.988
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	3.704.743.106	4.577.181.988
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		249.800.047.217	254.738.096.586

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		61.856.200.917	60.499.868.376
I. Nợ ngắn hạn	310		44.275.432.548	42.663.445.559
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	11.321.690.377	9.286.388.797
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		644.527.940	546.916.817
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	2.045.516.722	2.758.431.799
4. Phải trả người lao động	314		7.068.637.458	10.716.465.896
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	165.498.861	216.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	10.090.090.385	4.260.818.100
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	7.977.305.696	13.434.851.110
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.962.165.109	1.443.573.040
II. Nợ dài hạn	330		17.580.768.369	17.836.422.817
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	17.580.768.369	17.836.422.817
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		187.943.846.300	194.238.228.210
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	187.943.846.300	194.238.228.210
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.302.040.000	172.302.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.302.040.000	172.302.040.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.648.188.996	7.248.166.996
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.993.617.304	14.688.021.214
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		5.993.617.304	14.688.021.214
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		249.800.047.217	254.738.096.586


Phạm Thị Ngọc Thuý
Người lập biểu


Lê Minh Chương
Kế toán trưởng






Lê Anh Dũng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 01 tháng 08 năm 2025


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	65.652.314.180	65.305.677.642
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	65.652.314.180	65.305.677.642
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	51.675.696.943	47.633.885.077
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.976.617.237	17.671.792.565
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		11.673.465	15.015.826
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	816.331.258	937.659.786
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		816.331.258	937.659.786
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	2.120.777.968	1.464.369.524
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	3.506.870.437	4.635.323.286
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.544.311.039	10.649.455.795
11. Thu nhập khác	31		52.954.590	51.776.000
12. Chi phí khác	32		28.981.710	34.376.884
13. Lợi nhuận khác	40		23.972.880	17.399.116
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.568.283.919	10.666.854.911
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	1.574.666.615	2.174.677.663
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.993.617.304	8.492.177.248
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	212	300
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	212	300


Phạm Thị Ngọc Thủy
Người lập biểu


Lê Minh Chương
Kế toán trưởng



Lê Anh Dũng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 01 tháng 08 năm 2025




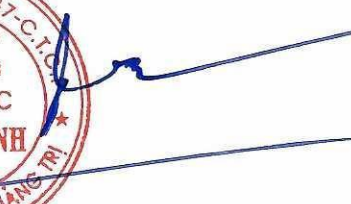
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01	70.470.660.886	74.651.845.610
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(30.670.290.010)	(23.737.656.925)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.522.929.403)	(21.548.699.378)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(866.832.397)	(969.419.921)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.609.507.044)	(1.782.813.329)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	290.525.185	209.951.400
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(11.786.388.829)	(16.118.477.919)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.305.238.388	10.704.729.538
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.697.613.435)	(5.067.584.010)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.673.465	15.015.826
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.685.939.970)	(5.052.568.184)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.406.701.400	4.193.086.021
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(13.119.901.262)	(7.724.616.588)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.499.117.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.713.199.862)	(6.030.647.817)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.093.901.444)	(378.486.463)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.277.273.484	20.691.478.937
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	16.183.372.040	20.312.992.474


Phạm Thị Ngọc Thủy
Người lập biểu


Lê Minh Chương
Kế toán trưởng


Lê Anh Dũng
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 01 tháng 08 năm 2025



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3100130287 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Quảng Bình do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình (nay là Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị) cấp lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 1992 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là: 172.302.040.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai tỷ, ba trăm linh hai triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch tại các đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở tại: Số 81 Lý Thường Kiệt, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề
1	Văn phòng Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình	Số 81 Lý Thường Kiệt, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị	Cung cấp nước sạch
2	Chi nhánh cấp nước Đồng Hới	Ngõ 55 Lê Thành Đồng, Phường Đồng Hới, Tỉnh Quảng Trị	Cung cấp nước sạch
3	Chi nhánh cấp nước Ba Đồn	Khu phố 1, Phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị	Cung cấp nước sạch
4	Trạm cấp nước Hoàn Lão	TK2, Xã Hoàn Lão, Tỉnh Quảng Trị	Cung cấp nước sạch
5	Trạm cấp nước Kiến Giang	Xã Liên Thủy, Tỉnh Quảng Trị	Cung cấp nước sạch
6	Trạm cấp nước Quy Đạt	Xã Minh Hoá, Tỉnh Quảng Trị	Cung cấp nước sạch
7	Trạm cấp nước Đồng Lê	TK2, Xã Đồng Lê, Tỉnh Quảng Trị	Cung cấp nước sạch
8	Trạm cấp nước TTNT Việt Trung	TK3, Xã Nam Trạch, Tỉnh Quảng Trị	Cung cấp nước sạch
9	Trạm cấp nước Quán Hàu	TK4, Xã Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Trị	Cung cấp nước sạch
10	Trạm cấp nước Phong Nha	Xã Bồ Trạch, Tỉnh Quảng Trị	Cung cấp nước sạch
11	Trạm cấp nước Rào Đá	Xã Trường Ninh, Tỉnh Quảng Trị	Cung cấp nước sạch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được soát xét.

7. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 223 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 223 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) hoặc căn cứ vào mức tổn thất có thể xảy ra theo đánh giá của Công ty. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Khi các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	06 - 20
Phương tiện vận tải	05 - 30
Thiết bị vận chuyển đường ống	15 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 05 đến 08 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Doanh thu (Tiếp theo)**

- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. TIỀN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	591.452.693	66.766.487
Tiền gửi ngân hàng	15.591.919.347	22.210.506.997
Cộng	16.183.372.040	22.277.273.484

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu tiền nước của khách hàng	9.457.643.562	6.803.887.092
Phải thu về lắp đặt, di dời đường cấp nước	143.376.080	255.654.080
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây Dựng và Phát triển Quỹ đất Thành phố Đồng Hới	29.877.000	1.186.000
- Các khoản thu khách hàng về lắp đặt, di dời đường cấp nước	113.499.080	254.468.080
Cộng	9.601.019.642	7.059.541.172

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNHSố 81 Lý Thường Kiệt, phường Đồng Hới,
Tỉnh Quảng Trị**Mẫu số B 09a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Kinh doanh DV Tổng hợp Nhật Minh	298.133.000	230.074.634
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Đầu tư AVP	175.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Sự kiện SEA TOURS	140.875.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Tài nguyên nước	117.326.880	60.701.383
Các khoản trả trước cho người bán khác	333.674.000	221.957.750
Cộng	1.065.008.880	512.733.767

4. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Ngọc Hà	36.758.565	-	(36.758.565)	36.758.565	-	(36.758.565)
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Quảng Bình	14.861.748	-	(14.861.748)	14.861.748	-	(14.861.748)
Công ty Xây dựng Lũng Lô	10.255.667	-	(10.255.667)	10.255.667	-	(10.255.667)
Đối tượng khác	84.542.867	-	(84.542.867)	101.519.894	-	(101.519.894)
Cộng	146.418.847	-	(146.418.847)	163.395.874	-	(163.395.874)

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	16.628.766.289	(1.139.556.034)	12.605.089.527	(1.226.731.676)
Công cụ, dụng cụ	246.325.729	-	269.316.308	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	218.279.958	-	551.206.818	-
Cộng	17.093.371.976	(1.139.556.034)	13.425.612.653	(1.226.731.676)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	130.066.035.761	51.164.125.665	315.957.819.136	235.527.272	497.423.507.834
Mua trong kỳ	-	718.412.000	-	-	718.412.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	773.968.120	-	7.975.836.863	-	8.749.804.983
Số dư cuối kỳ	130.840.003.881	51.882.537.665	323.933.655.999	235.527.272	506.891.724.817
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	84.150.726.872	27.692.664.819	192.240.234.001	109.927.288	304.193.552.980
Khấu hao trong kỳ	2.834.366.961	1.403.818.851	6.560.988.517	13.951.128	10.813.125.457
Số dư cuối kỳ	86.985.093.833	29.096.483.670	198.801.222.518	123.878.416	315.006.678.437
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	45.915.308.889	23.471.460.846	123.717.585.135	125.599.984	193.229.954.854
Tại ngày cuối kỳ	43.854.910.048	22.786.053.995	125.132.433.481	111.648.856	191.885.046.380

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 120.714.543.596 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 120.618.712.526 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 37.769.549.643 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 38.884.957.563 đồng) (Chi tiết tại thuyết minh số V.14 - Vay và nợ thuê tài chính).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình của phương tiện vận tải, truyền dẫn tăng trong kỳ là "Hệ thống Mạng lưới phân phối nước (MC3) HTCN thị xã Ba Đồn, thị trấn Hoàn Lão, Phong Nha, Quy Đạt năm 2023" và "Tuyến ống nước thô NMN Quy Đạt" đang được tạm ghi tăng theo chi phí thực tế phát sinh và biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng để trích khấu hao khi công trình được đưa vào sử dụng với số tiền lần lượt là 7.231.465.345 đồng và 744.371.518 đồng. Nguyên giá của công trình này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt đối với các chênh lệch phát sinh (nếu có).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNHSố 81 Lý Thường Kiệt, phường Đồng Hới,
Tỉnh Quảng Trị**Mẫu số B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	719.000.000	719.000.000
Số dư cuối kỳ	719.000.000	719.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	545.641.080	545.641.080
Khấu hao trong kỳ	31.216.372	31.216.372
Số dư cuối kỳ	576.857.452	576.857.452
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	173.358.920	173.358.920
Tại ngày cuối kỳ	142.142.548	142.142.548

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 337.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 284.000.000 đồng).

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Mạng cấp 3 HTCN TX. Ba Đồn, TT. Hoàn Lão, TT. Phong Nha, TT. Quy Đạt 2023	244.595.430	6.767.507.541
Mạng cấp 1 Hệ thống HDPE 400 TP. Đồng Hới	6.276.581.338	4.032.857.716
Mạng cấp 3 HTCN TP. Đồng Hới, TX. Ba Đồn, TT. Đồng Lê	160.730.066	166.665.066
Mạng cấp 2 năm 2023	209.365.305	152.043.305
Các công trình khác	3.797.078.802	3.339.880.861
Cộng	10.688.350.941	14.458.954.489

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.017.500	7.122.500
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	170.636.116	215.697.457
Cộng	171.653.616	222.819.957
b. Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	758.471.100	1.016.379.720
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.946.272.006	3.560.802.268
Cộng	3.704.743.106	4.577.181.988

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Biwase Quảng Bình	2.120.751.150	2.120.751.150	997.036.530	997.036.530
Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Mỹ Phát	2.107.984.128	2.107.984.128	911.724.528	911.724.528
Công ty Cổ phần DNP Holding	1.876.318.560	1.876.318.560	2.535.619.680	2.535.619.680
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Quảng Bình	1.789.924.500	1.789.924.500	896.413.928	896.413.928
Công ty Cổ phần Kỹ thuật đo lường VBS	1.271.346.100	1.271.346.100	572.400.000	572.400.000
Phải trả các đối tượng khác	2.155.365.939	2.155.365.939	3.373.194.131	3.373.194.131
Cộng	11.321.690.377	11.321.690.377	9.286.388.797	9.286.388.797

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế tài nguyên	-	50.128.280	-	50.128.280
Cộng	-	50.128.280	-	50.128.280
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	168.851.983	1.146.415.700	977.563.717	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.001.053.126	1.574.666.615	1.609.507.044	1.035.893.555
Thuế thu nhập cá nhân	85.485.000	167.120.585	279.194.075	197.558.490
Thuế tài nguyên	26.381.160	79.081.320	52.700.160	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	247.595.409	247.595.409	-
Các loại thuế khác	-	14.000.000	14.000.000	-
Phí BVMT đối với nước thải	763.745.453	3.885.610.304	4.646.844.605	1.524.979.754
Cộng	2.045.516.722	7.114.489.933	7.827.405.010	2.758.431.799

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNHSố 81 Lý Thường Kiệt, phường Đồng Hới,
Tỉnh Quảng Trị**Mẫu số B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trích trước chi phí lãi vay	165.498.861	216.000.000
Cộng	165.498.861	216.000.000

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	18.863.681
Kinh phí công đoàn	102.477.061	1.653.531
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.605.500.000	1.579.500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.382.113.324	2.660.800.888
<i>Trong đó:</i>		
+ Cổ tức phải trả	6.547.477.520	-
+ Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Quảng Bình	178.601.748	153.081.032
+ Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Và Phát Triển Quỹ Đất Thành Phố Đồng Hới	953.401.000	1.092.668.000
+ Phí nước thải	340.191.113	862.346.113
+ Phải trả, phải nộp khác	362.441.943	552.705.743
Cộng	10.090.090.385	4.260.818.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn	-	-	3.673.703.000	9.131.248.414	5.457.545.414	5.457.545.414
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	-	-	3.673.703.000	9.131.248.414	5.457.545.414	5.457.545.414
Cộng vay ngắn hạn	-	-	3.673.703.000	9.131.248.414	5.457.545.414	5.457.545.414
Vay nợ dài hạn đến hạn trả	7.977.305.696	7.977.305.696			7.977.305.696	7.977.305.696
Tổng	7.977.305.696	7.977.305.696			13.434.851.110	13.434.851.110
b. Vay dài hạn	25.558.074.065	25.558.074.065	3.732.998.400	3.988.652.848	25.813.728.513	25.813.728.513
Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình (i)	7.813.532.305	7.813.532.305	-	2.658.652.848	10.472.185.153	10.472.185.153
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (ii)	17.744.541.760	17.744.541.760	3.732.998.400	1.330.000.000	15.341.543.360	15.341.543.360
Cộng	25.558.074.065	25.558.074.065	3.732.998.400	3.988.652.848	25.813.728.513	25.813.728.513
Nợ vay dài hạn đến hạn trả	(7.977.305.696)	(7.977.305.696)			(7.977.305.696)	(7.977.305.696)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Quảng Bình	(5.317.305.696)	(5.317.305.696)			(5.317.305.696)	(5.317.305.696)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	(2.660.000.000)	(2.660.000.000)			(2.660.000.000)	(2.660.000.000)
Cộng	17.580.768.369	17.580.768.369			17.836.422.817	17.836.422.817

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- (i) Khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - chi nhánh Quảng Bình từ nguồn vốn vay ODA để thực hiện dự án "Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh các thành phố, thị xã" được ký kết lại giữa Bộ Tài chính và Công ty theo Hiệp định vay phụ ngày 28 tháng 8 năm 1997 và Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ký ngày 28 tháng 04 năm 2008 với giá trị gốc vay là 69.904.158.089 đồng với thời hạn vay 25 năm, thời gian ân hạn là 05 năm, lãi suất 5%/năm.
- (ii) Gồm các hợp đồng vay:
- Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng vay theo dự án đầu tư số 877/2019/VCB.KHDN ngày 31 tháng 10 năm 2019; thời hạn cho vay là 07 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn vay là Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện Dự án, lãi suất vay là trần lãi suất huy động vốn tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng cộng với mức biên (margin). được xác định tại thời điểm các bên ký hợp đồng tín dụng và được điều chỉnh ngay khi có thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam khi có thay đổi. Công ty sử dụng tài sản cố định của công ty theo các hợp đồng thế chấp lần lượt số 805/2019/VCB.KHDN, 806/2019/VCB.KHDN, 807/2019/VCB.KHDN ký ngày 22 tháng 05 năm 2019 và số 688.01/2019/VCBQB.KHDN ký ngày 24 tháng 07 năm 2020, 886/2021/VCB.KHDN ngày 17 tháng 12 năm 2021 để đảm bảo cho các khoản vay này.
 - Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 856/2020/VCB.KHDN ngày 24 tháng 08 năm 2020; số tiền cho vay tối đa là 16 tỷ đồng nhưng không vượt quá 77,5% tổng mức đầu tư của Phương án đầu tư mua lại Hệ thống Nhà máy nước Rào Đá, thời hạn cho vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn vay là tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư thực hiện phương án đầu tư mua lại hệ thống nhà máy nước Rào Đá đã được cấp thẩm quyền phê duyệt phù hợp với hợp đồng mua bán tài sản số 21/HĐMD ngày 04 tháng 05 năm 2020 giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất huyện Quảng Ninh và Công ty Cổ phần Cấp nước Quảng Bình, lãi suất cho vay là lãi suất cho vay có điều chỉnh: lãi suất cơ sở + 2%/năm đối với 2 năm đầu và lãi suất cơ sở + 2,5%/năm kể từ năm thứ 3 trở đi. Công ty sử dụng tài sản cố định của công ty theo các hợp đồng thế chấp lần lượt số 805/2019/VCB.KHDN, 806/2019/VCB.KHDN, 807/2019/VCB.KHDN ký ngày 22 tháng 05 năm 2019 và số 688.01/2019/VCBQB.KHDN ký ngày 24 tháng 07 năm 2020, 886/2021/VCB.KHDN ngày 17 tháng 12 năm 2021 để đảm bảo cho các khoản vay này.
 - Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 11/2024/VCB.KHDN.TDH ngày 26 tháng 08 năm 2024, số tiền cho vay tối đa là 1,255 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn vay là để mua xe tải gắn cầu Hino phục vụ đầu tư tài sản cố định, lãi suất cố định 01 năm tính từ thời điểm giải ngân đầu tiên là 6,5%/năm, lãi suất cho vay trong thời gian còn lại bằng lãi suất cơ sở + biên độ 2,8%/năm. Công ty sử dụng tài sản cố định của công ty theo các hợp đồng thế chấp lần lượt số 805/2019/VCB.KHDN, 806/2019/VCB.KHDN, 807/2019/VCB.KHDN ký ngày 22 tháng 05 năm 2019 và số 688.01/2019/VCBQB.KHDN ký ngày 24 tháng 07 năm 2020, 886/2021/VCB.KHDN ngày 17 tháng 12 năm 2021 để đảm bảo cho các khoản vay này.
 - Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 12/2024/VCB.KHDN.TDH ngày 20 tháng 11 năm 2024, số tiền cho vay tối đa là 9 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân vốn đầu tiên. Mục đích sử dụng vốn vay là đầu tư tuyến ống truyền dẫn nước từ nhà máy nước Phú Vinh đi đường tránh Đồng Hới, lãi suất cố định 01 năm tính từ thời điểm giải ngân đầu tiên là 6,6%/năm, lãi suất cho vay trong thời gian còn lại bằng lãi suất cơ sở + biên độ 2,9%/năm. Công ty sử dụng tài sản cố định của công ty theo các hợp đồng thế chấp lần lượt số 805/2019/VCB.KHDN, 806/2019/VCB.KHDN, 807/2019/VCB.KHDN ký ngày 22 tháng 05 năm 2019 và số 688.01/2019/VCBQB.KHDN ký ngày 24 tháng 07 năm 2020, 886/2021/VCB.KHDN ngày 17 tháng 12 năm 2021 để đảm bảo cho các khoản vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	7.977.305.696	7.977.305.696
Từ hai đến năm thứ năm	17.580.768.369	17.836.422.817
Sau năm năm	-	-
Cộng	25.558.074.065	25.813.728.513
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	7.977.305.696	7.977.305.696
Số phải trả sau 12 tháng	17.580.768.369	17.836.422.817

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm trước	172.302.040.000	5.148.166.996	13.250.952.116	190.701.159.112
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	14.688.021.214	14.688.021.214
Chia cổ tức	-	-	(6.030.571.400)	(6.030.571.400)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.100.000.000	(2.100.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.817.080.716)	(4.817.080.716)
Trích thưởng ban điều hành	-	-	(303.300.000)	(303.300.000)
Tại ngày đầu kỳ	172.302.040.000	7.248.166.996	14.688.021.214	194.238.228.210
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	5.993.617.304	5.993.617.304
Chia cổ tức (*)	-	-	(6.547.477.520)	(6.547.477.520)
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	2.400.022.000	(2.400.022.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(5.458.511.694)	(5.458.511.694)
Trích thưởng ban điều hành (*)	-	-	(282.010.000)	(282.010.000)
Tại ngày cuối kỳ	172.302.040.000	9.648.188.996	5.993.617.304	187.943.846.300

(*) Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024, cụ thể như sau:

- Trích quỹ Đầu tư phát triển với số tiền là 2.400.022.000 đồng;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi; thưởng ban quản lý, điều hành doanh nghiệp với số tiền lần lượt là 4.358.379.694 đồng; 1.100.132.000 đồng và 282.010.000 đồng;
- Chia cổ tức với số tiền là 6.547.477.520 đồng. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xác định thời gian trả cổ tức. Ngày đăng ký cuối cùng xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán nhận cổ tức năm 2024 là ngày 18 tháng 07 năm 2025 và ngày thanh toán là ngày 31 tháng 07 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị VND
UBND tỉnh Quảng Trị	52,16%	89.865.040.000	52,16%	89.865.040.000
CTCP - Tổng Công ty Nước - Môi trường Bình Dương	41,00%	70.650.000.000	41,00%	70.650.000.000
Vốn cổ đông khác	6,84%	11.787.000.000	6,84%	11.787.000.000
Cộng	100%	172.302.040.000	100%	172.302.040.000

c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	17.230.204	17.230.204
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	17.230.204	17.230.204
+ Cổ phần phổ thông	17.230.204	17.230.204
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.230.204	17.230.204
+ Cổ phần phổ thông	17.230.204	17.230.204
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu		

16. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất và bán nước sinh hoạt (chi tiết tại Thuyết minh số VI.1, doanh thu từ kinh doanh nước chiếm 89,9% tổng doanh thu) và bộ phận địa lý chính là trong tỉnh Quảng Trị. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo chuẩn mực này.

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tài sản thuê ngoài**

Công ty đang quản lý và sử dụng 21 khu đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với tổng diện tích là 72.195,9 m² với mục đích chính sử dụng làm trụ sở văn phòng làm việc, nhà máy nước, trụ sở các chi nhánh, nhà kho, trạm bơm, bể lọc và bể chứa. Hình thức sử dụng đất là thuê đất trả tiền hằng năm.

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Xí nghiệp chế biến Nông Thủy Hải sản Xuất khẩu	25.043.117	25.043.117
Cộng	25.043.117	25.043.117

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu sản xuất và cung cấp nước sạch	59.041.569.951	59.043.349.966
Doanh thu lắp đặt ống nhánh	6.168.995.258	4.507.620.341
Doanh thu khác	441.748.971	1.754.707.335
Cộng	65.652.314.180	65.305.677.642

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn sản xuất và cung cấp nước sạch	47.431.937.145	44.194.171.168
Giá vốn lắp đặt ống nhánh	4.252.988.610	3.413.460.977
Dự phòng (Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(46.823.729)	(76.210.936)
Giá vốn của hoạt động khác	37.594.917	102.463.868
Cộng	51.675.696.943	47.633.885.077

3. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	816.331.258	937.659.786
Cộng	816.331.258	937.659.786

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương quản lý	1.150.415.800	2.148.327.915
Chi phí vật liệu quản lý	27.934.652	333.751.573
Chi phí khấu hao tài sản cố định	381.289.690	436.834.677
Thuế, phí, lệ phí	390.805.009	422.241.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.000.000	130.000.000
Chi phí bằng tiền khác	1.433.402.313	1.164.168.005
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(16.977.027)	-
Cộng	3.506.870.437	4.635.323.286
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí vật liệu	2.120.777.968	1.464.369.524
Cộng	2.120.777.968	1.464.369.524

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNHSố 81 Lý Thường Kiệt, phường Đồng Hới,
Tỉnh Quảng Trị

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.568.283.919	10.666.854.911
Các khoản điều chỉnh tăng	61.981.710	58.976.884
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>61.981.710</i>	<i>58.976.884</i>
Thu nhập chịu thuế	7.630.265.629	10.725.831.795
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập	1.526.053.126	2.145.166.359
Bổ sung thuế TNDN các năm trước	48.613.489	29.511.304
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.574.666.615	2.174.677.663

6. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận/lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.993.617.304	8.492.177.248
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính (*)	(2.342.486.415)	(3.318.999.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.651.130.889	5.173.178.248
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.230.204	17.230.204
Lãi cơ bản/Suy giảm trên cổ phiếu	212	300

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 được tính bằng tỷ lệ Quỹ khen thưởng phúc lợi đã trích trên lợi nhuận sau thuế của năm 2024 nhân với Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2024 như sau:

	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	8.492.177.248	-	8.492.177.248
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.281.513.678)	(37.485.322)	(3.318.999.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ	5.210.663.570	(37.485.322)	5.173.178.248
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.230.204	-	17.230.204
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	302	(2)	300

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNHSố 81 Lý Thường Kiệt, phường Đồng Hới,
Tỉnh Quảng Trị

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**7. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.329.466.775	13.392.445.399
Chi phí nhân công	21.144.465.926	21.817.425.936
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.813.125.457	10.201.811.811
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	10.700.337.357	8.242.517.972
Cộng	56.987.395.515	53.654.201.118


VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**


Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Thu nhập của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:


	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát		
Ông Lê Anh Dũng	313.351.640	205.185.000
Ông Nguyễn Văn Dũng (miễn nhiệm ngày 28/04/2025)	296.194.725	204.034.000
Ông Lê Văn Nghĩa (bổ nhiệm ngày 28/04/2025)	245.018.650	159.502.000
Ông Trần Văn Tiến	242.728.010	165.634.000
Ông Lê Minh Chương	248.462.410	167.154.000
Ông Nguyễn Đức Vũ	179.046.625	116.275.000
Ông Trần Văn Ban (miễn nhiệm ngày 28/04/2025)	173.606.000	91.306.000
Ông Mai Song Hào	12.000.000	8.800.000
Ông Trần Tấn Đức (miễn nhiệm ngày 28/04/2025)	8.000.000	8.800.000
Ông Trịnh Đình Tùng	9.000.000	7.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Hồ (bổ nhiệm ngày 28/04/2025)	4.000.000	-
Bà Lê Thị Thu Hà (bổ nhiệm ngày 28/04/2025)	121.274.000	-
Cộng	1.852.682.060	1.133.690.000

2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.


Phạm Thị Ngọc Thuý
 Người lập biểu


Lê Minh Chương
 Kế toán trưởng


Lê Anh Dũng
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Ngày 01 tháng 08 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 277 /CV-NQB

Quảng Bình, ngày 04 tháng 8 năm 2025

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày
30/6/2025 so với cùng kỳ năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH kiểm toán quốc tế, kiểm toán cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2025 của Công ty cổ phần Cấp nước Quảng Bình gửi Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty cổ phần Cấp nước Quảng Bình giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 như sau:

- Doanh thu về cung cấp nước máy không tăng do ảnh hưởng thời tiết, doanh thu khác giảm do thanh lý hợp đồng nhân công vận hành với Công ty CP Biwase Quảng Bình.

- Chi phí giá vốn tăng 8,48% so với cùng kỳ năm 2024, tương ứng tăng 4,041 tỷ đồng; nguyên nhân tăng do Công ty CP Biwase Quảng Bình giảm tỷ lệ hỗ trợ thất thoát khoản nước mua qua đồng hồ tổng từ 15% xuống còn 9% ; trong quý nhiều tuyến ống sự cố nên chi phí khắc phục, súc rửa, điện, hóa chất khử trùng trong công tác sản xuất nước máy tăng.

- Chi phí bán hàng có tăng cao hơn do số khách hàng lắp mới các vùng nông thôn tăng, làm chi phí lắp mới đồng hồ, điểm đầu nối tăng trong khi doanh thu sử dụng nước máy chưa tăng tương ứng.

Các chỉ tiêu khác có sự biến động theo tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của đơn vị nhưng không đáng kể.

Trên đây là nguyên nhân chủ yếu làm chênh lệch lợi nhuận sau thuế TNDN tại BCTC cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 giảm so với cùng kỳ năm 2024 của Công ty cổ phần Cấp nước Quảng Bình.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TK HĐQT

